

DANH SÁCH DỰ THẢO SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ 3 - NH 2023-2024

Ghi chú: Danh sách Dự thảo lần 2 không phải là danh sách chính thức. Danh sách chính thức sẽ công bố sau khi có quyết định của Hội đồng Học bổng KKHT.

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
Khoa 2021												
Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2105120101	LÊ TẤN	ĐẠT	Nam	15/02/2003	21ĐHĐT01	15	3,60	8,87	80,00	Giỏi	
2	2105120044	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	VY	Nữ	19/10/2003	21ĐHĐT01	15	3,50	8,39	86,00	Giỏi	
3	2105120073	VÕ TẤN	VỸ	Nam	17/12/2003	21ĐHĐT02	15	3,20	7,73	86,00	Giỏi	
4	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	17/12/2003	21ĐHĐT01	17	3,29	8,22	78,00	Khá	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa												
1	2105130105	Lý Cường	Phát	Nam	03/12/2003	21ĐHTĐ02	15	4,00	9,45	97,00	Xuất sắc	
2	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	10/02/2003	21ĐHTĐ02	15	4,00	9,07	94,00	Xuất sắc	
3	2105130045	TRƯƠNG QUANG	MỸ	Nam	24/03/2003	21ĐHTĐ01	15	4,00	9,14	92,00	Xuất sắc	
4	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	15/07/2003	21ĐHTĐ02	15	4,00	9,21	90,00	Xuất sắc	
5	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	Nam	24/04/2003	21ĐHTĐ02	15	4,00	9,01	90,00	Xuất sắc	
6	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	Nam	02/09/2003	21ĐHTĐ02	15	4,00	8,95	90,00	Xuất sắc	Xem xét
Công nghệ thông tin												
1	2154810104	BÙI VĂN	DỰ	Nam	12/04/2002	21ĐHTT01	18	3,58	8,47	85,00	Giỏi	
3	2154810021	Phạm Khánh	Như	Nữ	19/11/2003	21ĐHTT01	16	3,06	7,40	83,00	Khá	
2	2154810036	NGUYỄN ANH BÍCH	NGỌC	Nữ	08/03/2003	21ĐHTT01	15	2,60	6,90	73,00	Khá	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2155200005	NGUYỄN QUANG TUẤN	ANH	Nam	13/10/2003	21ĐHKT01	15	3,47	8,52	88,00	Giỏi	
2	2155200008	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	22/11/2003	21ĐHKT01	15	3,47	8,33	88,00	Giỏi	
3	2155200052	TRẦN NGUYỄN	TỊNH	Nam	26/04/2003	21ĐHKT01	15	3,37	8,23	90,00	Giỏi	
4	2155200025	NGÔ VĂN ANH	KHÔI	Nam	17/12/2003	21ĐHKT01	15	3,37	8,33	88,00	Giỏi	
5	2155200043	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	Nữ	27/05/2003	21ĐHKT01	15	3,37	7,93	88,00	Giỏi	Xém xét
Quản lý hoạt động bay												
1	2158420053	LÊ MINH	HOÀNG	Nam	17/01/2003	21ĐHKL01	15	4,00	9,13	99,00	Xuất sắc	
2	2158420026	LÊ HOÀNG	MAI	Nữ	07/06/2003	21ĐHKL01	15	3,90	9,12	97,00	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
3	2158420007	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	22/07/2003	21ĐHKL01	15	3,80	9,01	90,00	Xuất sắc	
4	2158420012	PHẠM HÀ	CHÂU	Nữ	13/09/2003	21ĐHKL01	15	3,67	8,54	97,00	Xuất sắc	
Quản trị kinh doanh												
1	2153410230	PHÙNG THANH	HẢI	Nam	19/12/2002	21ĐHQTC2	15	3,93	8,77	92,00	Xuất sắc	
2	2153410356	NGUYỄN THỊ	TRINH	Nữ	18/05/2003	21ĐHQTDL	16	3,81	8,55	100,00	Xuất sắc	
3	2153410092	Trần Quốc	Khánh	Nam	13/01/2000	21ĐHQTC1	16	3,75	8,66	94,00	Xuất sắc	
4	2153410009	Phan Thanh	Cao	Nam	20/01/2003	21ĐHQTVT1	18	3,56	8,23	83,00	Giỏi	
5	2153410325	HOÀNG THỊ MỸ	HẢO	Nữ	30/04/2003	21ĐHQTVT2	15	3,50	8,09	91,00	Giỏi	
6	2153410117	PHẠM CÔNG	DANH	Nam	10/04/2003	21ĐHQTC1	15	3,30	7,82	92,00	Giỏi	
7	2153410164	BÙI HÀ TUỆ	NGHI	Nam	28/07/2003	21ĐHQTTH1	15	2,77	7,07	74,00	Khá	
8	2153410226	TẠ THỊ HOÀNG	DIỆU	Nữ	09/03/2003	21ĐHQTC2	16	2,63	6,87	80,00	Khá	
Khoa 2022												
Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2255120073	CAO TRỊNH THẾ	THIỆN	Nam	18/10/2004	22ĐHĐT02	18	3,78	8,49	88,00	Giỏi	
2	2255120011	Dương Anh	Quân	Nam	08/08/2004	22ĐHĐT01	15	3,13	7,57	85,00	Khá	
3	2255120093	Dương Hoàng Minh	Quân	Nam	10/06/2004	22ĐHĐT02	15	3,50	8,19	75,00	Khá	
4	2255120015	TRẦN YẾN	NHI	Nữ	30/07/2004	22ĐHĐT01	15	3,27	7,93	74,00	Khá	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa												
1	2255130089	Thi Lý	Toàn	Nam	12/09/2004	22ĐHTĐ02	15	3,87	8,67	94,00	Xuất sắc	
2	2255130018	Trần Hữu Tuấn	Phát	Nam	11/05/2004	22ĐHTĐ01	15	3,57	8,23	81,00	Giỏi	
3	2255130001	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	15/08/2004	22ĐHTĐ01	15	3,47	8,22	93,00	Giỏi	
4	2255130004	Phan Đăng	Phúc	Nam	10/09/2004	22ĐHTĐ01	15	3,56	8,27	78,00	Khá	
5	2255130052	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	Nam	19/09/2004	22ĐHTĐ02	15	3,47	8,30	74,00	Khá	
6	2255130022	Phan Minh	Thuận	Nam	17/04/2004	22ĐHTĐ01	15	3,03	7,55	91,00	Khá	
Công nghệ thông tin												
1	2254810152	NGUYỄN LÊ THÙY	LINH	Nữ	08/05/2004	22ĐHTT03	20	3,80	8,65	93,00	Xuất sắc	
2	2254810287	NGUYỄN TRẦN CHÍ	TRUNG	Nam	03/08/2004	22ĐHTT06	15	3,80	8,56	91,00	Xuất sắc	
3	2254810316	TRỊNH PHƯƠNG	NAM	Nam	18/02/2004	22ĐHTT03	17	3,74	8,67	93,00	Xuất sắc	
4	2254810024	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	04/07/2004	22ĐHTT01	17	3,68	8,46	90,00	Xuất sắc	
5	2254810047	LÊ QUỐC	TÂM	Nam	23/11/2004	22ĐHTT01	17	3,65	8,51	90,00	Xuất sắc	
6	2254810173	Nguyễn Thành	Đôn	Nam	16/05/2004	22ĐHTT04	17	3,94	8,86	85,00	Giỏi	
7	2254810228	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	Nữ	13/11/2004	22ĐHTT05	17	3,91	8,72	88,00	Giỏi	
8	2254810217	PHÙNG ANH	VŨ	Nam	10/10/2004	22ĐHTT05	17	3,85	8,62	85,00	Giỏi	
9	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	Nam	22/12/2003	22ĐHTT03	17	3,82	8,72	86,00	Giỏi	
10	2254810263	NGUYỄN THANH	TRIỀU	Nam	07/05/2004	22ĐHTT06	17	3,79	8,64	87,00	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
11	2254810107	HUỖNH TẤN	MINH	Nam	19/12/2004	22ĐHTT03	17	3,79	8,61	85,00	Giỏi	
12	2254810218	Lâm Mỹ	Hoàng	Nữ	08/05/2003	22ĐHTT05	20	3,78	8,58	86,00	Giỏi	
13	2254810271	ĐOÀN HUY	THIỀN	Nam	12/09/2004	22ĐHTT06	17	3,76	8,51	88,00	Giỏi	
14	2254810013	TRẦN THỊ MỸ	DUYỀN	Nữ	25/05/2004	22ĐHTT01	17	3,76	8,55	87,00	Giỏi	
15	2254810037	TRẦN NGỌC	DUY	Nam	03/05/2004	22ĐHTT01	17	3,76	8,72	83,00	Giỏi	
16	2254810209	NGUYỄN LÊ	TRUNG	Nam	24/03/2004	22ĐHTT05	20	3,73	8,44	86,00	Giỏi	
17	2254810044	PHAN TUẤN	ANH	Nam	18/07/2003	22ĐHTT01	17	3,68	8,54	89,00	Giỏi	
18	2254810156	HOÀNG THỊ LAN	HƯƠNG	Nữ	10/01/2004	22ĐHTT04	17	3,68	8,50	86,00	Giỏi	
19	2254810057	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	21/08/2004	22ĐHTT02	17	3,68	8,39	85,00	Giỏi	
20	2254810056	HUỖNH NGỌC	PHÁT	Nam	15/01/2004	22ĐHTT02	17	3,65	8,51	87,00	Giỏi	
21	2254810009	VŨ NHẬT	ANH	Nữ	11/04/2004	22ĐHTT01	17	3,65	8,27	83,00	Giỏi	
22	2254810169	TÔ QUỶ	PHÚ	Nam	19/10/2004	22ĐHTT04	17	3,65	8,45	80,00	Giỏi	
23	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	07/03/2004	22ĐHTT05	20	3,63	8,42	84,00	Giỏi	
24	2254810052	TRẦN LÂM	NHƯ	Nữ	22/12/2004	22ĐHTT02	17	3,62	8,33	87,00	Giỏi	
25	2254810250	Nguyễn Lê Thu	Nhàn	Nữ	26/06/2004	22ĐHTT05	17	3,62	8,34	86,00	Giỏi	
Kiểm soát không lưu												
1	2201210004	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	02/03/2000	22CĐKL01	16	3,88	8,75	81,00	Giỏi	
2	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	16/04/1996	22CĐKL01	16	3,75	8,83	82,00	Giỏi	
3	2201210018	Nguyễn Tuyền	Hưng	Nam	08/01/2003	22CĐKL01	16	3,75	8,73	82,00	Giỏi	Xem xét
Kiểm tra an ninh hàng không												
1	2201010033	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/11/2004	22CĐAN01	23	3,70	8,47	93,00	Xuất sắc	
2	2201010001	Dương Nguyễn Út	Duyên	Nữ	05/06/2004	22CĐAN01	23	3,61	8,55	84,00	Giỏi	
3	2201010027	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	21/09/2004	22CĐAN01	23	3,48	8,22	93,00	Giỏi	
Kinh tế vận tải												
1	2250000127	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGÂN	Nữ	07/10/2004	22ĐHKVLQ1	17	3,91	8,85	94,00	Xuất sắc	
2	2250000006	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	17/11/2004	22ĐHKVLĐ	16	3,81	8,72	94,00	Xuất sắc	
3	2250000097	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÌNH	Nữ	13/01/2004	22ĐHKVLQ1	17	3,76	8,56	94,00	Xuất sắc	
4	2250000082	Phạm Thành	Phước	Nam	25/03/2004	22ĐHKVLĐ	17	3,74	8,53	90,00	Xuất sắc	
5	2250000109	Nguyễn Hoàng Thanh	Hồng	Nữ	25/09/2004	22ĐHKVLQ1	15	3,70	8,36	93,00	Xuất sắc	
6	2250000070	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	Nam	31/08/2004	22ĐHKVLĐ	19	3,63	8,49	100,00	Xuất sắc	
7	2250000046	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	25/02/2004	22ĐHKVLĐ	16	3,63	8,55	97,00	Xuất sắc	
8	2250000093	PHẠM HUỖNH LAN	VY	Nữ	25/08/2004	22ĐHKVLQ2	16	3,63	8,52	90,00	Xuất sắc	
9	2250000125	NGUYỄN CAO KỶ	UYỀN	Nữ	03/12/2004	22ĐHKVLQ2	15	3,60	8,35	97,00	Xuất sắc	
10	2250000135	ĐẶNG HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	14/04/2004	22ĐHKVLQ1	15	3,60	8,15	94,00	Xuất sắc	
11	2250000040	TRƯỜNG THỊ MỸ	PHÚC	Nữ	05/03/2003	22ĐHKVLĐ	16	3,53	8,21	86,00	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
12	2250000027	HOÀNG THỊ	THÙY	Nữ	25/04/2004	22ĐHKVLĐ	16	3,50	8,08	95,00	Giỏi	
13	2250000186	Lý Trọng	Phúc	Nam	09/12/2004	22ĐHKVLQ2	18	3,50	8,17	88,00	Giỏi	
14	2250000117	ĐINH HOÀNG NHÃ	UYÊN	Nữ	01/01/2004	22ĐHKVLQ1	15	3,50	8,09	88,00	Giỏi	
15	2250000100	Nguyễn Thị Mai	Thy	Nữ	08/08/2004	22ĐHKVLQ2	21	3,48	8,35	86,00	Giỏi	
16	2250000114	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	Nữ	01/11/2004	22ĐHKVLQ1	19	3,45	8,05	86,00	Giỏi	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2255200010	PHẠM HẢI	DƯƠNG	Nam	04/02/2004	22ĐHKT01	18	3,83	8,97	95,00	Xuất sắc	
2	2255200018	VÕ VĂN QUANG	ANH	Nam	08/09/2004	22ĐHKT01	18	3,75	8,60	90,00	Xuất sắc	
3	2255200048	LƯU NHỮ	KHANG	Nam	01/08/2004	22ĐHKT01	15	3,60	8,22	93,00	Xuất sắc	
4	2255200079	NGUYỄN TẤN	TRUNG	Nam	09/10/2004	22ĐHKT02	18	3,83	9,23	81,00	Giỏi	
5	2255200028	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	AN	Nam	12/01/2004	22ĐHKT01	18	3,58	8,60	81,00	Giỏi	
6	2255200007	PHẠM HOÀI	DUY	Nam	06/04/2004	22ĐHKT01	18	3,50	8,37	91,00	Giỏi	
7	2255200042	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	Nam	29/06/2004	22ĐHKT01	15	3,50	8,44	85,00	Giỏi	
Ngôn ngữ Anh												
1	2252210026	NGUYỄN TUẤN	ĐÌNH	Nam	02/02/2004	22ĐHNA1	15	4,00	9,27	97,00	Xuất sắc	
2	2252210141	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	18/06/2004	22ĐHNA2	18	4,00	9,17	94,00	Xuất sắc	
3	2252210093	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	15/09/2004	22ĐHNA1	18	3,86	8,70	97,00	Xuất sắc	
4	2252210095	LÊ THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	24/09/2004	22ĐHNA2	18	3,75	8,82	97,00	Xuất sắc	
5	2252210167	Lê Bảo	Nhi	Nữ	01/08/2004	22ĐHNA1	15	3,73	8,73	94,00	Xuất sắc	
6	2252210039	NGUYỄN	VƯƠNG	Nam	08/07/2004	22ĐHNA1	18	3,72	8,59	90,00	Xuất sắc	
7	2252210166	Ngô Gia	Bảo	Nam	04/11/2004	22ĐHNAHK	15	3,83	8,66	88,00	Giỏi	
8	2252210083	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	Nam	23/08/2004	22ĐHNA2	21	3,71	8,44	85,00	Giỏi	
9	2252210057	Mai Nguyễn Thảo	Hiền	Nữ	12/12/2003	22ĐHNAHK	15	3,70	8,51	84,00	Giỏi	
10	2252210045	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	Nữ	15/06/2003	22ĐHNA1	18	3,58	8,44	86,00	Giỏi	
11	2252210051	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	14/09/2004	22ĐHNAHK	15	3,50	8,13	84,00	Giỏi	
12	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	Nữ	05/11/2004	22ĐHNADL	18	3,47	8,02	91,00	Giỏi	
Quản lý hoạt động bay												
1	2258420069	KIỀU CẨM	AN	Nữ	03/11/2004	22ĐHKL02	15	3,90	8,99	97,00	Xuất sắc	
2	2258420040	ĐẶNG THÙY	AN	Nữ	14/09/2004	22ĐHKL01	15	3,90	8,75	91,00	Xuất sắc	
3	2258420041	NGUYỄN THÙY TỎ	NHƯ	Nữ	03/08/2004	22ĐHKL01	15	3,83	8,68	95,00	Xuất sắc	
4	2258420035	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	06/12/2004	22ĐHKL01	15	3,80	8,63	95,00	Xuất sắc	
5	2258420026	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	Nữ	22/06/2004	22ĐHKL01	15	3,80	8,61	91,00	Xuất sắc	
6	2258420112	BÙI TRỌNG	TẤN	Nam	02/10/2004	22ĐHKL01	17	3,68	8,41	95,00	Xuất sắc	
7	2258420012	PHẠM THỊ THÙY	TIÊN	Nữ	07/08/2004	22ĐHKL01	17	3,68	8,46	94,00	Xuất sắc	
8	2258420025	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	15/02/2004	22ĐHKL01	15	3,67	8,49	97,00	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
9	2258420091	LÊ THỊ YẾN	TRINH	Nữ	21/11/2004	22ĐHKL02	15	3,60	8,37	97,00	Xuất sắc	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành												
1	2258130035	Bùi Hải	Linh	Nữ	12/07/2004	22ĐHDL01	17	3,82	8,52	94,00	Xuất sắc	
2	2258130063	Hồ Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	06/11/2004	22ĐHDL02	15	3,70	8,58	97,00	Xuất sắc	
3	2258130051	NGUYỄN MINH	THƯ	Nữ	05/03/2004	22ĐHDL02	15	3,70	8,52	97,00	Xuất sắc	
4	2258130080	Bùi Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	20/05/2004	22ĐHDL02	15	3,70	8,40	95,00	Xuất sắc	
5	2258130059	PHAN KIỀU DIỄM	QUỲNH	Nữ	16/10/2004	22ĐHDL02	18	3,67	8,53	95,00	Xuất sắc	
6	2258130079	Lê Tú	Uyên	Nữ	07/01/2003	22ĐHDL02	15	3,60	8,46	97,00	Xuất sắc	
7	2258130068	Lê Văn	Dưỡng	Nam	10/10/2002	22ĐHDL02	15	3,60	8,20	97,00	Xuất sắc	
8	2258130103	Trần Hoàng Ái	Xuân	Nữ	20/02/2004	22ĐHDL02	15	3,60	8,22	91,00	Xuất sắc	
Quản trị kinh doanh												
1	2253410321	Nguyễn Quang	Trung	Nam	01/05/2004	22ĐHQTC3	15	3,93	8,73	94,00	Xuất sắc	
2	2253410048	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYỀN	Nữ	28/06/2004	22ĐHQTVT1	17	3,91	8,73	90,00	Xuất sắc	
3	2253410287	Khu Tấn	Lộc	Nam	14/01/2004	22ĐHQTTTH	17	3,88	8,88	90,00	Xuất sắc	
4	2253410064	VÕ VĂN	KHOA	Nam	31/10/2004	22ĐHQTVT1	17	3,85	8,69	97,00	Xuất sắc	
5	2253410256	Đồng Ngọc Minh	Thư	Nữ	01/02/2004	22ĐHQTC3	18	3,83	8,58	91,00	Xuất sắc	
6	2253410255	Phan Võ Thuý	Linh	Nữ	02/11/2004	22ĐHQTC3	21	3,81	8,84	91,00	Xuất sắc	
7	2253410242	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	Nữ	11/01/2004	22ĐHQTVT1	15	3,80	8,48	90,00	Xuất sắc	
8	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	Nữ	02/09/2004	22ĐHQTC3	19	3,79	8,67	91,00	Xuất sắc	
9	2253410265	Nguyễn Phước	Hưng	Nam	26/04/2004	22ĐHQTC3	16	3,78	8,56	94,00	Xuất sắc	
10	2253410312	Đình Bùi Thanh	Bình	Nam	09/04/2004	22ĐHQTC3	19	3,76	8,38	96,00	Xuất sắc	
11	2253410297	Thân Thị My	Quyển	Nữ	27/11/2004	22ĐHQTVT2	17	3,71	8,65	90,00	Xuất sắc	
12	2253410078	BÙI AN	KHANG	Nam	05/04/2004	22ĐHQTC4	22	3,70	8,38	97,00	Xuất sắc	
13	2253410268	Đỗ Lê	Quy	Nam	04/04/2004	22ĐHQTVT2	20	3,70	8,66	95,00	Xuất sắc	
14	2253410273	Nguyễn Minh	Huy	Nam	16/11/2004	22ĐHQTC3	16	3,69	8,38	90,00	Xuất sắc	
15	2253410083	NGUYỄN THIÊN HẢI	ANH	Nữ	10/10/2004	22ĐHQTC4	19	3,68	8,29	97,00	Xuất sắc	
16	2253410295	Nguyễn Hà	Thương	Nữ	01/11/2004	22ĐHQTTTH	20	3,65	8,71	93,00	Xuất sắc	
17	2253410344	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	Nữ	14/01/2004	22ĐHQTC4	19	3,63	8,32	95,00	Xuất sắc	
18	2253410282	Huỳnh Hoàng	Mỹ	Nam	26/04/2004	22ĐHQTC4	15	3,63	8,33	90,00	Xuất sắc	
19	2253410024	PHẠM HỮU MINH	HOÀNG	Nam	01/06/2004	22ĐHQTTTH	17	3,62	8,30	94,00	Xuất sắc	
20	2253410307	Võ Quốc	Bảo	Nam	23/10/2003	22ĐHQTC3	15	3,87	8,53	85,00	Giỏi	
21	2253410320	Bùi Thị Nhất	Phương	Nữ	09/12/2004	22ĐHQTC3	18	3,86	8,69	87,00	Giỏi	
22	2253410276	Huỳnh Như	Huỳnh	Nữ	21/08/2003	22ĐHQTC3	16	3,84	8,76	85,00	Giỏi	
23	2253410296	Trần Thuý	Hằng	Nữ	04/01/2004	22ĐHQTC4	16	3,81	8,63	87,00	Giỏi	
24	2253410094	LÊ THỊ THẢO	VI	Nữ	22/06/2004	22ĐHQTC1	19	3,76	8,39	85,00	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
25	2253410254	Võ Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/11/2004	22ĐHQTVT2	17	3,76	8,62	83,00	Giỏi	
26	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	08/03/2004	22ĐHQTC3	16	3,72	8,45	87,00	Giỏi	
27	2253410032	NGUYỄN HUỠNH KIM	ĐOAN	Nữ	10/10/2004	22ĐHQTVT1	17	3,71	8,48	83,00	Giỏi	
28	2253410158	TRẦN THẢO	MY	Nữ	23/06/2004	22ĐHQTVT1	15	3,70	8,43	83,00	Giỏi	
29	2253410257	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	12/04/2004	22ĐHQTC3	16	3,69	8,26	86,00	Giỏi	
Quản trị nhân lực												
1	2253440028	Nguyễn Kim	Khánh	Nữ	03/09/2004	22ĐHNL01	15	3,70	8,84	97,00	Xuất sắc	
2	2253440079	PHẠM HỒNG	NGỌC	Nữ	23/10/2004	22ĐHNL02	15	3,70	8,80	93,00	Xuất sắc	
3	2253440044	HUỠNH VẤN	PHONG	Nam	20/01/2004	22ĐHNL01	15	3,60	8,74	100,00	Xuất sắc	
4	2253440042	HUỠNH MINH	MÃN	Nam	21/01/2004	22ĐHNL01	15	3,60	8,52	98,00	Xuất sắc	
5	2253440062	VƯƠNG HOÀNG BẢO	NGÂN	Nữ	30/01/2004	22ĐHNL02	15	3,50	8,24	95,00	Giỏi	
6	2253440008	TRẦN THỊ KIM	YẾN	Nữ	26/05/2004	22ĐHNL01	15	3,50	8,46	91,00	Giỏi	
7	2253440064	PHẠM VŨ TRÚC	QUYÊN	Nữ	02/10/2004	22ĐHNL02	15	3,50	8,36	91,00	Giỏi	
8	2253440034	Trần Ngọc	Khánh	Nữ	16/07/2004	22ĐHNL01	15	3,50	8,36	89,00	Giỏi	
9	2253440038	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	Nữ	22/01/2004	22ĐHNL01	15	3,50	8,32	89,00	Giỏi	Xem xét
Khóa 2023												
Công nghệ thông tin												
1	2331540144	Hồ Lê Viết	Toàn	Nam	24/04/2005	23ĐHTT03	16	3,31	7,91	76,00	Khá	
2	2331540243	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	30/09/2005	23ĐHTT05	17	2,65	6,99	70,00	Khá	
3	2331540133	Lê Phạm Bảo	Uyên	Nữ	04/09/2005	23ĐHTT06	16	2,63	6,97	93,00	Khá	
4	2331540185	NGUYỄN MINH	PHÁT	Nam	28/12/2005	23ĐHTT04	16	2,56	6,93	88,00	Khá	
Dịch vụ thương mại hàng không												
1	2341810006	Nguyễn Hồng	Nhật	Nữ	04/05/2000	23CĐTM01	19	3,05	7,57	87,00	Khá	
2	2341810002	Nguyễn Phạm Bảo	Quyên	Nữ	10/11/2005	23CĐTM01	17	3,03	7,34	82,00	Khá	
3	2341810021	Võ Đình	Nguyên	Nam	30/09/2005	23CĐTM01	19	2,74	7,01	92,00	Khá	
4	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	Nữ	30/05/2005	23CĐTM01	19	2,68	7,09	96,00	Khá	
5	2341810047	Huỳnh Hoài	Phong	Nữ	25/03/2005	23CĐTM01	19	2,61	7,01	84,00	Khá	
6	2341810055	Nguyễn Đại Hồng	Ngọc	Nữ	04/04/2003	23CĐTM01	19	2,61	6,74	84,00	Khá	Xem xét
Kiểm tra an ninh hàng không												
1	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/02/2005	23CĐAN01	17	3,38	8,18	93,00	Giỏi	
2	2341830015	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	21/01/2002	23CĐAN01	17	3,32	7,89	95,00	Giỏi	
Kinh tế vận tải												
1	2331740261	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	15/04/2005	23ĐHKVLQ1	15	3,83	8,86	90,00	Xuất sắc	
2	2331740077	NGÔ NGUYỄN THANH	DIỄM	Nữ	28/03/2005	23ĐHKVLĐ01	15	3,67	8,67	93,00	Xuất sắc	
3	2331740046	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	22/08/2005	23ĐHKVKH	15	3,47	8,23	92,00	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
4	2331740143	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	Nữ	29/12/2005	23ĐHKVLĐ02	15	3,43	8,24	89,00	Giỏi	
5	2331740020	Trần Văn Khổng	Hiền	Nam	01/10/2005	23ĐHKVLĐ01	15	3,40	7,97	93,00	Giỏi	
6	2331740087	Phạm Thành	Trung	Nam	19/05/2005	23ĐHKVKH	15	3,30	8,11	92,00	Giỏi	
7	2331740208	TRẦN KIM	TRÚC	Nữ	01/09/2005	23ĐHKVLQ1	16	3,25	7,83	85,00	Giỏi	
8	2331740111	NGUYỄN QUỐC	SỬ	Nam	15/09/2005	23ĐHKVLĐ02	16	3,19	7,85	82,00	Khá	
9	2331740071	TRẦN NGỌC LAN	ANH	Nữ	24/09/2005	23ĐHKVKH	15	3,13	7,73	84,00	Khá	
10	2331740247	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	Nữ	05/03/2005	23ĐHKVKH	16	3,09	7,68	92,00	Khá	
11	2331740222	NGUYỄN CAO YẾN	NHI	Nữ	27/03/2005	23ĐHKVLĐ02	16	3,03	7,52	86,00	Khá	
12	2331740282	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	08/12/2005	23ĐHKVLĐ02	16	3,03	7,56	81,00	Khá	
13	2331740271	TRỊNH THỊ	QUỲNH	Nữ	10/11/2005	23ĐHKVLQ1	16	3,00	7,34	83,00	Khá	
14	2331740248	TRẦN ANH	THƯ	Nữ	31/08/2005	23ĐHKVKH	16	3,00	7,38	70,00	Khá	
15	2331740267	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	Nữ	19/06/2005	23ĐHKVLĐ01	16	2,97	7,49	83,00	Khá	
16	2331740108	TRẦN KHÁNH	LINH	Nữ	27/09/2004	23ĐHKVLQ2	15	2,93	7,39	84,00	Khá	
17	2331740275	Đình Khắc	Long	Nam	25/12/2005	23ĐHKVLĐ02	16	2,91	7,32	82,00	Khá	
18	2331740028	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	26/01/2005	23ĐHKVKH	16	2,88	7,22	84,00	Khá	
19	2331740122	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	03/04/2005	23ĐHKVLĐ02	16	2,84	7,24	84,00	Khá	
Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay												
1	2341840005	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	03/01/2005	23CĐCK01	16	3,63	8,48	87,00	Giỏi	
2	2341840015	Nguyễn Quang	Huy	Nam	19/02/2005	23CĐCK01	16	3,28	7,93	84,00	Giỏi	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2331520006	Phùng Thị	Giang	Nữ	10/11/2005	23ĐHKKT01	15	3,60	8,70	94,00	Xuất sắc	
2	2331520019	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Nam	26/11/2005	23ĐHKKT01	15	3,80	8,93	86,00	Giỏi	
3	2331520017	PHẠM HỒNG ĐỨC	ANH	Nam	09/06/2005	23ĐHKKT01	15	3,77	9,00	85,00	Giỏi	
4	2331520137	PHAN TRẦN LAN	VI	Nữ	28/11/2005	23ĐHKKT03	15	3,03	7,55	90,00	Khá	
5	2331520078	NGUYỄN BÁ	PHÁT	Nam	19/08/2005	23ĐHKKT02	15	3,00	7,53	75,00	Khá	
Ngôn ngữ Anh												
1	2331720178	DƯƠNG THỊ NGỌC	DUNG	Nữ	26/06/2005	23ĐHNAHK2	16	3,50	8,17	88,00	Giỏi	
2	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	Nữ	06/10/2005	23ĐHNATM3	15	3,40	8,11	89,00	Giỏi	
3	2331720044	VŨ THY	HÀO	Nữ	11/07/2005	23ĐHNATM1	16	3,38	7,89	85,00	Giỏi	
4	2331720006	TRẦN ĐẶNG THÙY	DUNG	Nữ	23/06/2005	23ĐHNATM1	16	3,34	8,18	85,00	Giỏi	
5	2331720004	Dư Trần Thủy	Trúc	Nữ	14/09/2005	23ĐHNAHK1	16	3,25	7,74	85,00	Giỏi	
6	2331720047	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIAO	Nữ	18/02/2005	23ĐHNATM1	16	3,50	8,19	77,00	Khá	
7	2331720149	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	Nữ	24/11/2005	23ĐHNAHK1	16	3,41	8,20	70,00	Khá	
8	2331720154	Nguyễn Quỳnh	Giang	Nữ	13/01/2005	23ĐHNAHK1	16	3,38	8,17	70,00	Khá	
9	2331720218	PHẠM VÕ BẢO	TRẦN	Nữ	13/05/2005	23ĐHNATM3	15	2,97	7,41	86,00	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
10	2331720167	HUỖNH VŨ ANH	THƯ	Nữ	03/02/2005	23ĐHNATM3	16	2,91	7,24	83,00	Khá	
11	2331720185	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	11/10/2005	23ĐHNATM3	16	2,91	7,46	82,00	Khá	Xem xét
12	2331720211	HOÀNG HẢI	YẾN	Nữ	20/10/2005	23ĐHNATM3	16	2,84	7,12	96,00	Khá	
13	2331720092	Lê Thanh	Xuân	Nữ	03/03/2005	23ĐHNAHK1	16	2,84	7,04	90,00	Khá	
14	2331720456	Nguyễn Tuấn Hoàng	Anh	Nam	07/03/2003	23ĐHNAHK2	16	2,75	7,07	70,00	Khá	
15	2331720080	TRẦN THỊ LAN	ANH	Nữ	28/05/2005	23ĐHNATM1	16	2,66	6,92	73,00	Khá	
16	2331720087	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	Nữ	05/10/2005	23ĐHNAHK1	16	2,50	6,63	87,00	Khá	
17	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	10/04/2005	23ĐHNAHK1	16	2,50	6,81	83,00	Khá	
Quản lý hoạt động bay												
1	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	13/12/2005	23ĐHKL02	15	3,63	8,56	80,00	Giỏi	
2	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	20/12/2005	23ĐHKL02	15	3,60	8,47	88,00	Giỏi	
3	2331710010	Nguyễn Hồ Minh	Ngân	Nữ	28/06/2005	23ĐHKL01	15	3,47	8,17	95,00	Giỏi	
4	2331710023	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	Nam	30/05/2005	23ĐHKL01	15	3,20	7,76	95,00	Giỏi	
5	2331710020	NGUYỄN TẤN	HÙNG	Nam	22/12/2005	23ĐHKL03	15	3,40	8,04	78,00	Khá	
6	2331710027	Nguyễn Hải	Long	Nam	08/05/2005	23ĐHKL01	15	3,17	7,60	92,00	Khá	
7	2331710139	TRẦN KIM	TIỀN	Nữ	30/01/2005	23ĐHKL03	15	3,07	7,50	93,00	Khá	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành												
1	2331730089	Tổng Thị Thảo	Nguyên	Nữ	20/02/2005	23ĐHDL02	17	3,38	8,04	92,00	Giỏi	
2	2331730081	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	Nữ	19/05/2005	23ĐHDL02	17	3,35	7,84	70,00	Khá	
3	2331730088	Nguyễn Minh	Trí	Nam	12/10/2005	23ĐHDL02	17	3,18	7,88	90,00	Khá	
4	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	Nam	19/04/2005	23ĐHDL03	17	3,15	7,63	93,00	Khá	
5	2331730129	Hoàng Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/11/2005	23ĐHDL03	17	3,15	7,54	92,00	Khá	
6	2331730006	Nguyễn Trần Hương	Trà	Nữ	30/10/2005	23ĐHDL01	17	2,91	7,31	72,00	Khá	
7	2331730106	NGÔ THỊ HỒNG	Y	Nữ	08/05/2005	23ĐHDL02	17	2,85	7,20	70,00	Khá	
8	2331730012	Trần Kim Chi	Na	Nữ	14/01/2004	23ĐHDL01	17	2,68	6,85	70,00	Khá	
9	2331730015	Đỗ Thị Diệu	Như	Nữ	28/11/2005	23ĐHDL01	17	2,53	6,66	70,00	Khá	
10	2331730084	PHẠM THỊ MINH	XUÂN	Nữ	25/10/2005	23ĐHDL01	17	2,53	6,98	70,00	Khá	
11	2331730028	Tô Kiều	Vĩ	Nữ	19/09/2005	23ĐHDL01	17	2,50	6,51	86,00	Khá	
Quản trị kinh doanh												
1	2331310007	Lê Ngọc Thúy	Vy	Nữ	11/11/2005	23ĐHQTVT1	16	3,56	8,24	88,00	Giỏi	
2	2331310436	HỒ VĂN	MẠNH	Nam	23/12/2005	23ĐHQTVT1	16	3,38	7,93	85,00	Giỏi	
3	2334330001	Võ Ngọc Trung	Kiên	Nam	16/03/2005	23ĐAQT01	15	3,37	7,96	93,00	Giỏi	
4	2334330019	Hồ Đức Anh	Thi	Nữ	19/08/2005	23ĐAQT01	15	3,30	7,87	94,00	Giỏi	
5	2331310593	Nguyễn Trịnh Tường	Vi	Nữ	04/12/2003	23ĐHQTVT1	16	3,28	7,63	85,00	Giỏi	
6	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/01/2005	23ĐAQT01	15	3,17	7,75	91,00	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
7	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	Nữ	06/06/2005	23ĐAQT01	15	3,03	7,43	83,00	Khá	
8	2334330008	VÕ GIA	KIỆT	Nam	01/01/2005	23ĐAQT01	15	2,80	7,23	83,00	Khá	
9	2331310242	Phạm Thị Ý	Nhi	Nữ	07/05/2005	23ĐHQTC2	16	2,75	7,17	82,00	Khá	
10	2334330041	Nguyễn Hoàng Linh	Nhi	Nữ	06/07/2005	23ĐAQT01	15	2,73	7,07	83,00	Khá	
11	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	13/11/2005	23ĐAQT01	18	2,67	6,96	91,00	Khá	
12	2334330024	Nguyễn Trúc	Linh	Nữ	02/07/2005	23ĐAQT01	15	2,67	6,85	91,00	Khá	
13	2334330002	NGUYỄN LÊ THẢO	NGÂN	Nữ	07/08/2004	23ĐAQT01	15	2,67	6,79	83,00	Khá	
14	2334330011	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	17/12/2005	23ĐAQT01	15	2,67	7,13	77,00	Khá	
15	2331310417	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	Nam	21/07/2005	23ĐHQTTTH2	16	2,66	6,83	90,00	Khá	
16	2331310282	NGUYỄN BẢO	QUỲNH	Nữ	17/04/2005	23ĐAQT01	15	2,63	6,81	83,00	Khá	
17	2334330014	LÂM GIA	KỲ	Nữ	17/12/2005	23ĐAQT01	15	2,60	6,97	81,00	Khá	
18	2334330016	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	23/10/2005	23ĐAQT01	15	2,57	6,81	83,00	Khá	
19	2331310258	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	21/06/2005	23ĐHQTKQ1	16	2,56	6,73	82,00	Khá	
Quản trị nhân lực												
1	2331320094	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	02/09/2005	23ĐHNL02	16	2,88	7,14	76,00	Khá	
2	2331320097	LƯU HÀ	MY	Nữ	07/02/2005	23ĐHNL02	16	2,81	7,13	76,00	Khá	